

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN NỘI QUY HỌC SINH

1. Tư tưởng – đạo đức

- Luôn trung thực, lịch sự, lễ phép, năng động và sáng tạo.
- Trau dồi đạo đức, văn minh, khiêm tốn, thật thà, sống có ý chí, có trách nhiệm với bản thân, gia đình, giữ gìn và bảo vệ danh dự của nhà trường.
- Lễ độ với cha mẹ, thầy cô, cô chú nhân viên và người lớn tuổi; Đoàn kết nhân ái giúp bạn cùng tiến bộ, giao tiếp bạn bè phù hợp với môi trường sư phạm.
- Tham gia đầy đủ các buổi chào cờ, sinh hoạt tập trung và các hoạt động do nhà trường tổ chức.
- Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của nhà nước, tuân thủ các hiệu lệnh và quy định của nhà trường.

2. Chuyên cần

- Đi học chuyên cần, đúng giờ, không trốn học, bỏ giờ, trốn tiết.

	Buổi sáng	Buổi chiều
Có mặt tại lớp:	6h45'	13h15'
Bắt đầu giờ học:	7h00'	13h30'
Hết giờ, HS ra về:	11h15'	16h15'

- Học sinh ốm đau đột xuất cần nghỉ giữa buổi phải được phép của thầy cô giám thị và nhân viên y tế, không có lý do chính đáng tuyệt đối không được ra khỏi trường giữa buổi học. Khi ra khỏi trường, phải có giấy xác nhận của thầy cô giám thị, có cha mẹ hay người nuôi dưỡng bảo lãnh, ghi nhận vào sổ liên lạc của học sinh.
- Học sinh nghỉ học, nghỉ lao động và các buổi sinh hoạt tập trung, sinh hoạt ngoại khóa của nhà trường, phụ huynh phải đến trường xin phép, chậm nhất sau một ngày, nhà trường chỉ nhận đơn xin phép nghỉ có ghi lý do chính đáng.
- **Đi trễ:**
 - + Học sinh đi trễ sau giờ tập trung, sau giờ học phải trình diện Thầy cô Giám thị, xin cấp giấy vào lớp.
 - + Học sinh vào lớp sau giờ tập trung, nếu không được sự cho phép của giáo viên, coi như đi trễ.

3. Nề nếp trật tự - kỷ luật:

- Học sinh ra vào trường phải thực hiện đúng giờ quy định, không được đi lại trên hành lang và ngoài sân trong giờ học (khi không có nhiệm vụ được giao).
 - + **Nam sinh:** Tóc cắt ngắn, gọn gàng, không phủ cổ áo, phủ tai, che mắt, chải tóc ngói giữa; không để ria, râu, trang điểm.
 - + **Nữ sinh:** Không đánh phấn, tô son, sơn móng tay, để móng tay dài.
- Học sinh không mang nhiều tiền và tư trang quý khi đến trường.
- Không được sử dụng các thiết bị trong giờ học, như: điện thoại, máy nghe nhạc, máy ghi âm, truyện,... khi không được sự cho phép của giáo viên.
- **Nghiêm cấm:**
 - + Nói tục, chửi thề, hút thuốc, uống rượu bia, nhuộm tóc, xăm hình, chơi bài, các trò chơi mang tính cờ bạc, sử dụng chất kích thích gây nghiện, lưu truyền văn hoá phẩm không lành mạnh, mang vũ khí và chất gây nổ vào khuôn viên nhà trường, ...
 - + Gây sự, đánh nhau gây mất trật tự an ninh trong và ngoài trường; chạy xe và chơi bóng trong sân trường; leo rào, trèo tường; phá hoại cơ sở vật chất nhà trường.
 - + Đưa người lạ mặt vào trường khi không được sự cho phép của giáo viên.

Nề nếp học tập:

- Học sinh phải chăm ngoan, chuẩn bị bài và làm bài đầy đủ trước khi đến lớp, mang sách vở, dụng cụ học tập theo yêu cầu và quy định của giáo viên.

- Nghiêm túc trong giờ học, chăm chú nghe giảng, ghi chép cẩn thận; tích cực phát biểu xây dựng bài học; ngồi đúng chỗ quy định, tư thế nghiêm túc, không nói chuyện, nói leo và làm việc riêng.
- Tích cực tham gia các tiết học ngoại khoá, tiết học ngoài nhà trường, các giờ học hay thảo luận trực tuyến.
- Trong giờ thi, giờ kiểm tra phải tuyệt đối nghiêm túc, trung thực, không quay cóp hoặc có những hành vi gian lận, thiếu trung thực.

4. Đồng phục

- Đến trường, học sinh phải mặc đồng phục nghiêm túc, sạch sẽ và đúng quy định của nhà trường, có Phù hiệu dán ngực áo bên trái.
 - + **Nam sinh:** sơ mi trắng, quần tây (đồng phục của trường), áo bỏ trong quần.
 - + **Nữ sinh:** Ngày lễ, sáng thứ hai và sáng thứ năm: Áo dài trắng có cổ (không may model), quần trắng, không mặc áo quần vải mỏng.
 Các ngày còn lại: mặc đồng phục theo mẫu của trường.
- Học sinh đi học phải mang giày bata, sandal, giày đế mềm. Không được mang dép lê, giày cao gót.
- Giờ thể dục, giờ Quốc phòng An ninh: Mặc đồng phục thể dục theo quy định và mang giày thể thao/giày bata.

5. Vệ sinh

- Học sinh phải có ý thức giữ gìn vệ sinh chung, bỏ rác đúng nơi quy định, không xả rác trong lớp, trong ngăn bàn, hành lang, sân trường, ...
- Tự trang bị đồ dùng uống nước, không dùng chung; hạn chế rác thải nhựa.
- Không được đem đồ ăn, thức uống vào lớp học.
- Xóa bảng sạch sẽ sau giờ chuyển tiết và cuối mỗi buổi học.
- Làm vệ sinh trước và sau mỗi buổi học.
- Không có nhiệm vụ, học sinh không được lên bàn giáo viên sử dụng máy vi tính, máy chiếu, ...

6. Bảo quản tài sản chung

- Học sinh có nhiệm vụ giữ gìn và bảo quản tài sản của nhà trường, của lớp. Nếu làm hư hỏng, mất mát hoặc phá hỏng sẽ bị kỷ luật và bồi thường thích đáng.
- Không tùy tiện di chuyển bàn, ghế, ghế đá và các dụng cụ phục vụ trong trường.
- Không viết, vẽ, khắc trên tường, bàn, ghế, bảng, ...
- Tắt đèn, quạt, máy lạnh, các thiết bị điện, đóng cửa, khóa cửa và giao chìa khóa phòng học cho giám thị trước khi ra về.

Tất cả học sinh phải học tập và thực hiện nghiêm túc nội quy này. Nếu vi phạm, tùy theo mức độ sẽ bị trừ điểm đánh giá hạnh kiểm.

QUY ĐỊNH VỀ ĐIỂM HẠNH KIỂM HỌC SINH

1. Chuyên cần

TT	Nội dung vi phạm	Điểm trừ
1	Nghỉ có phép vì các lý do chính đáng, do nằm viện hoặc mắc các bệnh truyền nhiễm như thủy đậu, đau mắt đỏ, dịch bệnh, ...	Không trừ
2	Nghỉ không phép	- 3đ / 1 buổi
3	Không tham gia các giờ sinh hoạt chung	- 3đ / 1 buổi
4	Đi trễ lần 1	- 1đ / 1 lần
5	Đi trễ lần 2 trở lên	- 2đ / 1 lần
6	Vào lớp trễ sau giờ tập trung	- 1đ / 1 lần

2. Tác phong:

TT	Nội dung vi phạm	Điểm trừ
7	Đồng phục, phù hiệu không đúng quy định	- 2đ/ lần
8	Giày dép không đúng quy định	- 2đ/ lần
9	Trang điểm khi đến trường	- 2đ/ lần
10	Nhuộm tóc, để tóc không đúng quy định	- 2đ/ lần
11	Móng tay sơn/vẽ không phù hợp	- 2đ/ lần
12	Xăm hình	- 2đ/ lần
13	Tác phong không nghiêm túc	- 5đ/ lần
14	Thiếu lễ phép	- 5đ/ lần

3. Nề nếp:

TT	Nội dung vi phạm	Điểm trừ
15	Không học bài, không làm bài	- 1đ / lần
16	Thiếu dụng cụ học tập	- 1đ / lần
17	Ngủ trong giờ học	- 1đ / lần
18	Không nghiêm túc trong giờ học	- 2đ / lần
19	Ngồi học không đúng sơ đồ của lớp	- 2đ / lần
20	Trốn học /cúp tiết	- 5đ / lần
21	Sử dụng điện thoại trong giờ học (khi không được sự cho phép của GV)	- 5đ / lần
22	Xếp hàng không đúng giờ qui định (SHTT, Lễ,...)	- 1đ / lần
23	Đá bóng, đá cầu, ... trên các hành lang	- 1đ / lần
24	Leo trèo lên bàn ghế, lan can; ngồi trên bàn ghế GV	- 1đ / lần
25	Ăn quà vặt, mang đồ ăn thức uống lên lớp	- 2đ / lần
26	Vẽ, viết lên tường, ...	- 2đ / lần
27	Chạy xe trong sân trường, gây mất trật tự, ...	- 2đ / lần
28	Xả rác không đúng nơi quy định	- 2đ / lần
29	Nói tục, chửi thề	- 5đ / lần
30	Dẫn người lạ vào trường không xin phép, mượn phụ huynh, giả chữ ký của phụ huynh.	- 10đ / lần

4. Vi phạm nghiêm trọng:

TT	Nội dung vi phạm	Điểm trừ
31	Xích mích, gây rối trật tự trong khuôn viên trường	- 20đ / lần
32	Gây thiệt hại tài sản công, tài sản của người khác	- 20đ / lần
33	Đánh bài trong lớp hoặc trong khuôn viên trường	- 30đ / lần

TT	Nội dung vi phạm	Điểm trừ
34	Ăn cắp vặt	- 30đ / lần
35	Uống rượu, bia trong trường	- 30đ / lần
36	Hút thuốc lá trong trường	- 30đ / lần
37	Độc, cất giữ, lưu hành tài liệu văn hóa phẩm đồi trụy.	- 30đ / lần
38	Lợi dụng mạng xã hội (facebook, zalo, viber, line, twitter, ...) xúc phạm bạn bè, thầy cô, nhân viên	- 30đ / lần
39	Làm bài kiểm tra trên lớp không nghiêm túc	- 30đ / lần
40	Sử dụng ma túy hoặc các chất kích thích.	- 50đ / lần
41	Vô lễ, xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể của giáo viên, nhân viên nhà trường; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bạn hoặc của người khác trong khuôn viên trường.	- 50đ / lần
42	Gian lận trong học tập, kiểm tra, thi tập trung. Sử dụng điện thoại khi kiểm tra, thi tập trung.	- 50đ / lần
43	Mang hung khí, chất gây nổ, vật nhọn gây sự trong trường	- 50đ / lần
44	Đánh nhau trong nhà trường hoặc ngoài xã hội.	- 50đ / lần
45	Vi phạm an toàn giao thông.	- 50đ / lần
46	Tham gia trộm cắp, dẫn bạn cho người khác trộm cắp; đánh cắp tài sản của người khác.	- 50đ / lần

5. Điểm cộng:

TT	Nội dung	Điểm cộng
47	Tham gia đội tuyển HSG bộ môn, đội tuyển TDTT, văn nghệ, chữ thập đỏ, ... dự thi cấp Quận hay cấp Thành phố.	5 điểm/HK
48	Tham gia các đội tuyển nhà trường dự thi đạt giải thưởng cá nhân, đồng đội cấp Quận.	10 điểm/HK
49	Tham gia các đội tuyển nhà trường dự thi đạt giải thưởng cá nhân, đồng đội cấp Thành phố.	15 điểm/HK
50	CBL, CBĐ, CTV xuất sắc được biểu dương trước trường.	10 điểm/HK
51	Tham gia các hoạt động do đoàn trường, các tổ chuyên môn, CLB phát động (kèm minh chứng)	5 điểm/HK
52	Đại giải khi tham gia các hoạt động do đoàn trường, các tổ chuyên môn, CLB phát động cấp Quận, cấp Thành phố (kèm minh chứng)	20 điểm/HK

XẾP LOẠI

 Hạnh kiểm Tốt:	Điểm HK ≥ 80
 Hạnh kiểm Khá:	$65 \leq \text{Điểm HK} < 80$
 Hạnh kiểm Trung bình:	$50 \leq \text{Điểm HK} < 65$
 Hạnh kiểm Yếu:	Điểm HK < 50